TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ E** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 07/2024/DS-ST Ngày: 22-3-2024 V/v "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ E, TỈNH ĐỒNG THÁP

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thống.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Minh Châu.

2. Ông Đào Ngọc Ứng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố E, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố E, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Sóc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố E, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2023/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2023, về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê G, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Q, xã A, huyện E, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Lê R, sinh năm 1987 (vắng mặt lần thứ 2).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn T, sinh năm 1956 (vắng mặt lần thứ 2);

3. 2. Lê Y, sinh năm 2013.

Người đại diện hợp pháp của Lê Y là anh Lê R, sinh năm 1987 (vắng mặt lần thứ 2).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp U, xã I, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 9 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê G trình bày:*

Ngày 04/7/2021 anh R có đến nhà ông để vay số tiền gốc là 40.000.000đồng, biên nhận do bạn anh R viết và chị Trần D (bạn anh R) ký tên bảo lãnh tên, nhưng thật chất chị Trang ký gốc độ là người làm chứng (ông không quen biết chị Trang), biên nhận có chữ ký và dấu lăn tay của anh R. Lãi suất vay cứ 1.000.000đồng thì 1.000đồng/ngày, khi vay tiền anh R có đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Lê H để làm tin vay tiền, hiện giấy đất và biên nhận gốc đều do ông giữ, ông không cầm cố thế chấp cho tổ chức, cá nhân nào cả. Từ khi vay cho đến nay anh R không đóng lãi và trả gốc, mặc dù ông nhiều lần đến nhà anh R yêu cầu trả nợ, anh R đều né tránh.

Nay ông khởi kiện yêu cầu anh Lê R trả số tiền vay còn nợ gốc 40.000.000đồng và tiền lãi 17.264.000đồng (26 tháng x 1.66% x 40.000.000đồng). Tổng cộng tiền gốc lãi 57.264.000đồng (Năm mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), riêng phần tiền lãi từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử thì không yêu cầu. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 126m^2 thuộc thửa 1381, tờ bản đồ số 2 tên hộ ông Lê H, số vào sổ BĐ 516578, cấp ngày 22/6/2011 của anh R thế chấp cho ông hiện anh đang quản lý, ông không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Ông không yêu cầu, tranh chấp với chị Trần D.

** Đối với bị đơn Lê R, đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Y; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn T*:

Trong quá trình giải quyết vụ án đã từ chối nhận tất cả văn bản của Tòa án, đồng thời những người này cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố E phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 91, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 116, Điều 117, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và bị đơn Lê R hiện cư trú tại ấp Tân Hòa Trung, xã Tân Hội, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố Tụng dân sự.

Đối với bị đơn anh Lê R, đồng thời là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Y và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt đương sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê G thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh Lê R trả số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng cùng với số tiền lãi tính đến ngày khởi kiện là 17.264.000 đồng. Riêng phần tiền lãi tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm thì không yêu cầu. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê G là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Xét ông Lê G khởi kiện yêu cầu anh Lê R trả số tiền vay còn nợ gốc 40.000.000đồng và tiền lãi 17.264.000đồng (26 tháng x 1.66% x 40.000.000đồng). Tổng cộng tiền gốc lãi là 57.264.000đồng (Năm mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào tờ biên nhận do ông G cung cấp thì việc anh R có vay của ông G số tiền gốc 40.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng là có thật. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh R đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng anh R từ chối nhận văn bản và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông G, nên anh R pR chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh của mình.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định Nghĩa vụ chứng minh: *"Đương sự có nghĩ vụ đưa ra chứng cứ để chưng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ việc".*

Xét về số tiền gốc pR trả, Hội đồng xét xử xét thấy: Số tiền vay gốc theo biên nhận nợ do anh R ký là 40.000.000 đồng, từ lúc vay đến nay anh R chưa thanh toán cho ông G, nên nay ông G khởi kiện yêu cầu anh Lê R trả số tiền vay

còn nợ là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về số tiền lãi pR trả, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào biên nhận vay tiền thì từ lúc vay đến khi khởi kiện anh R không thanh toán gốc, lãi. Nay ông G yêu cầu anh R trã lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày vay đến ngày khởi kiện là 26 tháng x 1.66% x 40.000.000 đồng = 17.264.000 đồng phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền anh R pR trả cho anh G 57.264.000 đồng, trong đó nợ gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi 17.264.000 đồng.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện diện tích 126m^2 thuộc thửa 1381, tờ bản đồ số 2 tên hộ ông Lê H, số vào sổ BĐ 516578, cấp ngày 22/6/2011 của anh R thế chấp cho ông G, hiện ông G đang quản lý. Tại phiên tòa ông G không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn T và cháu Lê Y, người ký tên bảo lãnh chị Trần D thì ông G không yêu cầu, tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ các phân tích trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc các đương sự pR chịu án phí sơ thẩm theo quy định, theo đó:

- Nguyên đơn ông Lê G không pR chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông G được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp 1.432.000đồng theo biên thu tiền tạm ứng án phí số 0000522 ngày 17/10/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố E.

- Bị đơn anh Lê R pR chịu tiền án phí dân sự trên nghĩa vụ pR thực hiện là 2.863.000 đồng (Hai triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 177, Điều 227, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê G.

Buộc anh Lê R có nghĩa vụ trả cho ông Lê G số tiền vay còn nợ tổng cộng gốc, lãi là 57.264.000đồng (Năm mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng), trong đó số tiền vay gốc 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi 17.264.000 đồng (Mười bảy triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê G không pR chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông G được nhận lại số tiền tạm ứng đã nộp 1.432.000đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng) theo biên thu tiền tạm ứng án phí số 0000522 ngày 17/10/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố E.

- Anh Lê R pR chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 2.863.000 đồng (Hai triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pR trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pR thi hành án còn pR chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pR thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pR thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/3/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đồng Tháp;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND Tp. E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Thống